

Số: 030/2020/STG/CV-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam  
Mã chứng khoán: STG  
Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM  
Điện thoại: 08.38266594  
Fax: 08.38266593  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Tuấn Anh  
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty  
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08.38266594  
Fax: 08.38266593  
Loại công bố thông tin  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

*Nội dung công bố thông tin:*

*Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM *Tull*  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**TRẦN TUẤN ANH**  
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC





**SOTRANS**  
*We make it simple!*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

[www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)



**45**

**Năm kinh nghiệm trong ngành dịch vụ logistics**  
**Years of experience in logistics service**



# PHẦN 1

## GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS



# GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS

**C**ÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM (SOTRANS) được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại. SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần từ năm 2007. SOTRANS là một trong những công ty hàng đầu trong ngành logistics tại Việt Nam, với hệ thống kho, bãi, cảng trải dài trên khắp cả nước.

SOTRANS hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, kinh doanh xăng dầu. SOTRANS có hệ thống đại lý tại hơn 100 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của SOTRANS luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của SOTRANS với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m<sup>2</sup> có vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

SOTRANS được Hải quan Việt Nam công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Bên cạnh đó, các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng.

SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong.. lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

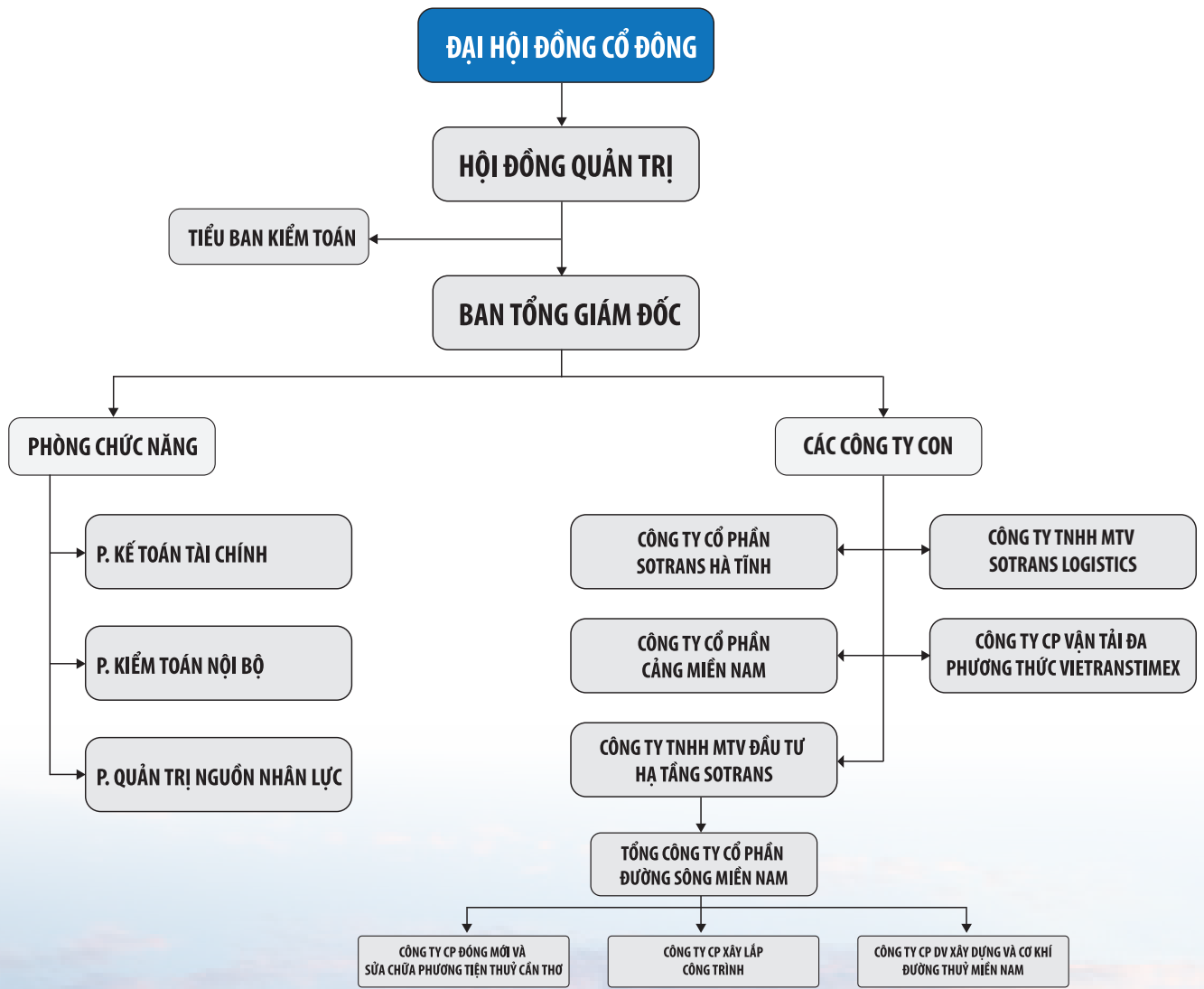
SOTRANS là một công ty đa ngành hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong đó các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là dịch vụ kho, giao nhận vận chuyển quốc tế, giao nhận vận chuyển nội địa và khai thác cảng, dịch vụ logistics và kinh doanh xăng dầu.

Với 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, SOTRANS cung ứng chuỗi dịch vụ logistics theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
- Tên tiếng anh : SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : SOTRANS
- Giấy CNĐKDN số : 0300645369
- Vốn điều lệ : 928.533.570.000 đồng
- Mã chứng khoán : STG
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.28) 6268 5858
- Fax: : (84.28) 3826 6593
- Email : [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn)
- Website : [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



# CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier.	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM.
2	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO.	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO.	Kinh doanh Bất Động Sản.	Tầng 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM.
3	Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco SOTRANS.	Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco - Sotrans Logistics.	Cung ứng dịch vụ vận tải đường bộ.	Số 55-57, đường Nguyễn Văn Giai, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM.
4	Công ty Cổ phần MHC.	Công ty sở hữu 23% vốn chủ sở hữu của MHC.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.	Tầng 7, tòa nhà Hải An, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng.
5	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT).	Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT.	Kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.	Đường A5, khu phố 5, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP. HCM.
6	Công ty CP DV Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (SOWATCOSER).	Công ty nắm giữ 26.27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER.	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	38 Tôn Thất Thuyết, P.15, Q.4, TP. HCM.
7	Công ty CP Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (SOWATCO-ECO 747).	Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.	161/1 Trường Chinh, TP. Vinh, Nghệ An.





## CÁC CÔNG TY CON

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SOTRANS (SII).	Vốn điều lệ 901 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng. . .	1B Hoàng Diệu, P. 13, Q.4, TP. HCM.
2	Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex.	Sở hữu 84% vốn chủ sở hữu Vietranstimex.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.	80-82 đường Bạch Đằng, Q. Hải Châu, Đà Nẵng.
3	Công ty TNHH MTV SOTRANS LOGISTICS	Vốn điều lệ 91,3 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan; trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa.	1B Hoàng Diệu, P.13, Quận 4, Tp.HCM



TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
4	Tổng Công ty CP Đường sông Miền Nam.	SOTRANS nắm giữ 84.4% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.	298 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Tây, Q.7, TP. HCM.
5	Công ty CP SOTRANS Hà Tĩnh.	Sở hữu 100% vốn chủ sở hữu SOTRANS Hà Tĩnh.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.	P. Kỳ Thịnh, TX Kỳ Anh, Hà Tĩnh.
6	Công ty CP Cảng Miền Nam.	Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.	Km 9, Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. HCM.
7	Công ty CP Xây lắp Công trình (ECCO)	Công ty nắm giữ 86,15% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO.	Xây dựng các công trình dân dụng.	202 Lê Lai, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM.
8	Công ty CP đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy Cần Thơ.	Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cần Thơ Shipyard.	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi.	77B Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
9	Công ty CP Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	SOTRANS nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES.	Xây dựng các công trình dân dụng.	59 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP. HCM.

# CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



## MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG:

Duy trì mức tăng trưởng ổn định từ

**5-10%** hàng năm.

Đảm bảo cổ tức cho cổ đông

**5-15%** hàng năm.



## MỤC TIÊU LỢI NHUẬN:

Tăng trưởng lợi nhuận

**10-15%** mỗi năm.



## MỤC TIÊU THƯƠNG HIỆU:

Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.



## MỤC TIÊU XÃ HỘI:

Thực hiện đúng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.

Đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.

Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.

Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.



## MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG THÔNG QUA ĐẦU TƯ:

### Đầu tư phát triển Công nghệ thông tin:

Với việc đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, SOTRANS đã triển khai hoàn thiện hệ thống VoIP phone, Video Conference, kết nối mạng lưới văn phòng SOTRANS trên toàn quốc.

Bên cạnh các phần mềm quản lý doanh nghiệp, SOTRANS áp dụng phần mềm quản lý vận chuyển TMS, GoSmartLog, SMS live... , nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển và tăng hiệu quả kinh doanh.

Mục tiêu hoàn thiện hệ thống phần mềm ERP đưa vào ứng dụng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

### Mục tiêu tổ chức, cơ cấu:

Xây dựng tổ chức và hoạt động bền vững với cơ cấu tổ chức phù hợp, đội ngũ nhân sự kế thừa, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường.

Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty.





Chuỗi cung ứng (Supply Chain) là quá trình theo dõi hàng hóa thông qua việc thống kê và điều khiển từ khâu cung cấp hàng, bổ sung nguyên vật liệu, đến khâu bán lẻ, hay nói cách khác là quá trình điều hành và quản lý sự lưu thông hàng hóa. Xu hướng tiến tới việc giao hàng đúng lúc, kết hợp với các khuyến mãi hấp dẫn để tiếp cận các nguồn cung ứng tốt nhất khiến cho chuỗi cung ứng nào cũng chứa đầy rủi ro.

## RỦI RO VỀ KINH TẾ:

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp.

Năm 2019, kinh tế trong nước cơ bản ổn định; GDP năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu đặt ra; lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức thấp 2,01%.

Các chỉ tiêu có mức tăng trưởng hàng năm cao hơn cùng kỳ năm ngoái gồm có GDP, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố giá). Kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng trưởng 8,4% so với năm 2018.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là các dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tình hình hoạt động xuất nhập khẩu ở Việt Nam.

Những thay đổi về chính sách cũng như những biến động của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, trong đó có Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.

## RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP:

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh, còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính nhất là những quy định về thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Luật hải quan hiện đã ra đời nhưng cũng cần thời gian để hoàn thiện mọi vấn đề trong thực tế. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của SOTRANS.

## RỦI RO ĐẶC THÙ:

Hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh cũng là một trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực này.

SOTRANS sẽ phải phát triển trên diện rộng các hoạt động trong chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nguyên liệu cho sản xuất đến vận chuyển, lưu kho, tu chỉnh bao gói và phân phối đến các điểm bán lẻ cho người tiêu dùng để tăng khả năng kiểm soát cũng như phối hợp giữa các yếu tố đầu vào cùng kinh nghiệm và hoạt động thực tại của Công ty.

## RỦI RO KHÁC:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty, đặc biệt đối với hoạt động giao nhận vận tải quốc tế. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của SOTRANS và của khách hàng.



# PHẦN 2

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Kết quả hoạt động SXKD riêng SOTRANS:

Chỉ tiêu	Năm 2019	So sánh năm 2018	So sánh kế hoạch 2019
	(Triệu VND)	%	%
Doanh thu	318.869	32%	149%
Lợi nhuận trước thuế	207.664	116%	98%
Lợi nhuận sau thuế	202.490	111%	98%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán)

Thực hiện mục tiêu tái cơ cấu khối kinh doanh logistics, năm 2019, Công ty đã từng bước thực hiện việc chuyển giao hoạt động kinh doanh cho công ty con, Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics. Theo đó, doanh thu năm 2019 chỉ đạt 32% so với năm 2018 chủ yếu vì phần lớn hoạt động của khối kinh doanh logistics đã được công ty con kế thừa. Việc chuyển giao chưa hoàn tất thực hiện trong năm do một số yếu tố khách quan như pháp lý.... Trong khi kế hoạch doanh thu riêng xây dựng

trên cơ sở hoàn tất chuyển giao. Vì vậy, doanh thu năm 2019 vượt 49% so với kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm 2018 với mức tăng lần lượt là 16% và 11%. Lợi nhuận cao hơn năm trước vì Công ty nhận được cổ tức từ các khoản đầu tư tài chính tốt hơn, đồng thời việc thanh toán trái phiếu trong quý 1/2019 giúp Công ty giảm chi phí lãi trái phiếu.

- Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất SOTRANS:

Chỉ tiêu	Năm 2019	So sánh năm 2018	So sánh kế hoạch 2019
	(Triệu VND)	%	%
Doanh thu	1.835.502	104%	90%
Lợi nhuận trước thuế	152.563	84%	76%
Lợi nhuận sau thuế	122.918	78%	80%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán)

Năm 2019, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 1.835,5 tỷ đồng, đạt 90% so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong ngành. Ngoài ra, hoạt

động vận tải siêu trường siêu trọng cũng chịu ảnh hưởng do nguồn vốn đầu tư công năm 2019 giải ngân chưa đạt kế hoạch, làm chậm tiến độ các dự án mà Công ty đang triển



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

khai. Tuy vậy, với sự nỗ lực của toàn công ty, doanh thu cũng phản ánh sự tăng trưởng so với năm 2018, với mức tăng là 4%.

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2019 lần lượt đạt 76% và 80% so với kế hoạch đề ra vì các nguyên nhân chủ yếu:

- Doanh thu thấp hơn kế hoạch 10% tạo nên hiệu ứng giảm lợi nhuận.
- Hoạt động của một số công ty liên doanh liên kết trong năm 2019 thấp hơn kế hoạch, làm sụt giảm lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết.
- Một số khoản đầu tư tài chính giảm giá trị, làm phát sinh tăng các chi phí dự phòng tài chính.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ▪ Danh sách và những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP CQBQ	Thời gian bổ nhiệm/ từ nhiệm
1	Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 24/10/1972</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Chủ tịch Công ty CPGiao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN</li> <li>○ Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam</li> <li>○ Thành viên HĐQT Cty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1</li> </ul> </li> </ul>	0%	○ Bổ nhiệm từ ngày 12/04/2019
2	Ông Trần Quang Tiến	Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 08/11/1968</li> <li>- Nơi sinh: Hải Phòng</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam</li> <li>○ Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1</li> <li>○ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An</li> </ul> </li> </ul>	0%	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019</li> <li>○ Từ nhiệm từ ngày 12/04/2019</li> </ul>
3	Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 11/12/1969</li> <li>- Nơi sinh: Thanh Hóa</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics</li> <li>○ Chủ tịch Công ty TNHH Phát triển bất động sản SORECO</li> </ul> </li> </ul>	85.776 CP, chiếm 0,087% vốn điều lệ	○ Từ nhiệm từ ngày 01/01/2019
4	Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 31/05/1961</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nam</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không</li> </ul>	1 CP, chiếm 0% vốn điều lệ	
5	Ông Phạm Tường Minh	Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính: Nam</li> <li>- Ngày sinh: 18/04/1981</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không</li> </ul>	26.321 CP, chiếm 0,027% vốn điều lệ	

#### ▪ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

Người lao động: Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 1.168 người (thời điểm ngày 31/12/2018 là 1.169 người).

#### Điều kiện làm việc

SOTRANS cam kết đem đến cho bạn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy thách thức.

- Với bề dày gần 45 năm kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, SOTRANS đã chuẩn hóa các quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, nhịp nhàng. Thường xuyên cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho nhân viên về toàn bộ quy định, quy trình Công ty.
- Mỗi cá nhân khi làm việc tại SOTRANS được xác định rõ phạm vi, khối lượng công việc rõ ràng; được Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng.
- Các trang thiết bị cá nhân và trang thiết bị phòng ban luôn luôn trong tình trạng hoàn hảo để phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh.
- Môi trường làm việc tại SOTRANS đòi hỏi sự năng động và đầy thách thức. Bạn sẽ có cơ hội làm việc với những hạt

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

nhân xuất sắc của SOTRANS, những người giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp luôn phấn đấu vì mục tiêu chung.

- Chúng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp bạn đạt được mục tiêu nghề nghiệp của chính mình. Mạng liên kết toàn cầu của SOTRANS là cơ hội tốt cho bạn trải nghiệm và tiếp cận các phương pháp quản lý và xây dựng chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia giúp bạn có thể thỏa sức sáng tạo, đưa những kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế nhằm góp phần xây dựng và phát triển Công ty.
- Với mỗi cá nhân tinh thần và khả năng làm việc đội nhóm sẽ góp phần quan trọng trong hiệu quả công việc và thành công của bạn sau này. Hãy hòa cùng tập thể SOTRANS và cùng chúng tôi bước tiếp những bước dài trong lịch sử hình thành và phát triển của SOTRANS.

#### Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật..
- Người lao động được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời

gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ luật lao động.

- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty xây dựng mức lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt thực hiện khoản doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Hằng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát và thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt, team building, trao đổi kinh nghiệm giữa các CBCNV trong Công ty.
- Công ty luôn luôn quan tâm đến sức khỏe của đội ngũ CBCNV, CBCNV được tạo điều kiện thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty. . . .
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, . . . cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu. . .
- Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên khi CBCNV ốm đau, khó khăn.

## 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2019, SOTRANS thực hiện những khoản đầu tư lớn chú trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- Đầu tư đóng mới hai tàu chở container 250 Teu
- Đầu tư xây dựng nâng cấp cảng Long Bình
- Đầu tư đội xe đầu kéo phục vụ hoạt động vận tải

### b) Các công ty con, công ty liên kết:

Trong năm 2019, Công ty mẹ thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics (“Sotrans Log”). Sotrans Log là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315428529 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2018. Hoạt động chính của Sotrans Log là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận

tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan; trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa.



#### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### a) Tình hình tài chính năm 2019

Chỉ tiêu	2019 (Triệu đồng)	2018 (Triệu đồng)	% tăng (+) /giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	2,275,457	2,347,222	-3%
Doanh thu thuần	1,835,502	1,761,613	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	148,279	171,999	-14%
Lợi nhuận khác	4,284	9,254	-54%
Lợi nhuận trước thuế	152,563	181,253	-16%
Lợi nhuận sau thuế	122,918	157,658	-22%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán)

Chỉ tiêu	2019 (Triệu đồng)	2018 (Triệu đồng)	% tăng (+) /giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	1,685,931	1,763,805	-4%
Doanh thu thuần	318,869	998,320	-68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	207,421	176,333	18%
Lợi nhuận khác	243	3,392	-93%
Lợi nhuận trước thuế	207,664	179,725	16%
Lợi nhuận sau thuế	202,490	182,440	11%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán)

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2.26	1.93
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2.21	1.87
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.25	0.31
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.34	0.45
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	55.39	45.25
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0.79	0.73

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7%	9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7%	10%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5%	7%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	8%	10%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán)

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### a) Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm ngày 31/12/2019, thông tin cổ phần của SOTRANS như sau:

Vốn điều lệ: 982.533.570.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 98.253.357 cổ phiếu

Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 98.253.357 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng

STT	Cơ cấu cổ đông theo nhóm cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0%	0	0	0
3	Cổ đông lớn	94,874,247	96.56%	2	2	0
	- Trong nước	94,874,247	96.56%	2	2	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0%	0	0	0
7	Cổ đông khác	3,379,110	3.44%	697	27	670
	- Trong nước	3,292,686	3.35%	670	20	650
	- Nước ngoài	86,424	0.09%	27	7	20
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>98,253,357</b>	<b>100%</b>	<b>699</b>	<b>29</b>	<b>670</b>
<b>Trong đó: - Trong nước</b>		<b>98,166,933</b>	<b>99.91%</b>	<b>672</b>	<b>22</b>	<b>650</b>
<b>- Nước ngoài</b>		<b>86,424</b>	<b>0.09%</b>	<b>27</b>	<b>7</b>	<b>20</b>

### b) Thay đổi vốn chủ sở hữu

Ngày 16/10/2018, SOTRANS đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017. Ngày 09/01/2019, SOTRANS đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu:

- Số cổ phiếu đã phân phối: 12.815.478 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu tại ngày 09/01/2019: 98.253.357 cổ phiếu
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: 982.533.570.000 đồng

## 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### MÔI TRƯỜNG

SOTRANS đặt mục tiêu tối ưu hóa quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước trong toàn bộ hệ thống SOTRANS, luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

### NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 1.168 người. Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

### CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hàng năm Công ty đều tham gia các chương trình từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội như tài trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiến máu nhân đạo,...

### NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ các công ty trong hệ thống SOTRANS thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.







# PHẦN 3

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

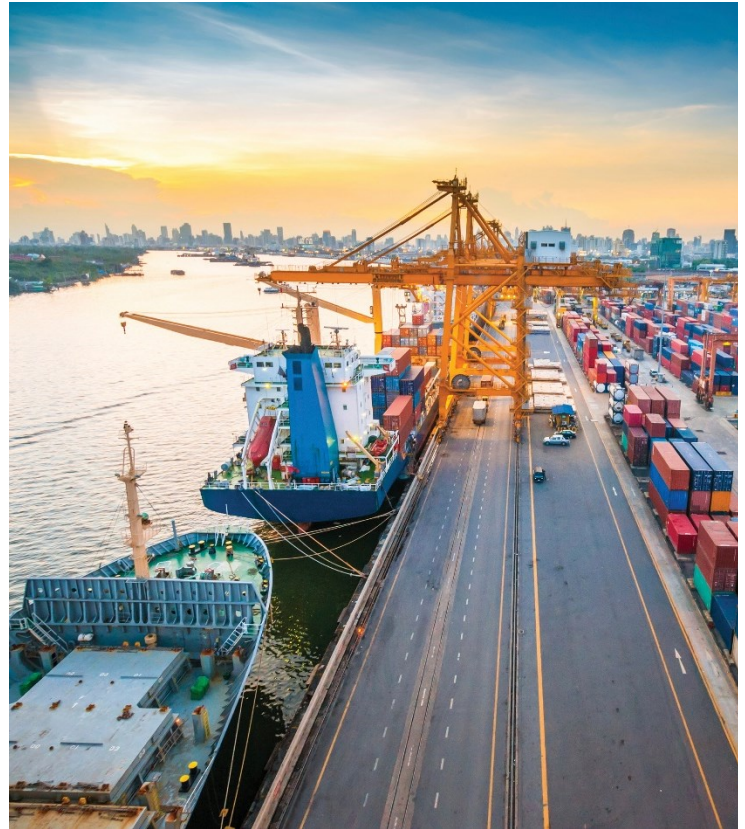
## 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Khoản mục	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	TH 2019/ TH 2018	TH 2019/ KH 2019
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	%	%
Doanh thu thuần	1.835.502	2.028.716	1.761.613	104%	90%
Lợi nhuận trước thuế	152.563	199.737	181.253	84%	76%
Lợi nhuận sau thuế	122.918	154.585	157.658	78%	80%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán)

Năm 2019, doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 1.835,5 tỷ đồng, đạt 90% so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong ngành. Ngoài ra, hoạt động vận tải siêu trường siêu trọng cũng chịu ảnh hưởng do nguồn vốn đầu tư công năm 2019 giải ngân chưa đạt kế hoạch, làm chậm tiến độ các dự án mà Công ty đang triển khai. Tuy vậy, với sự nỗ lực của toàn công ty, doanh thu cũng phản ánh sự tăng trưởng so với năm 2018, với mức tăng là 4%.

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2019 lần lượt đạt 76% và 80% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư tài chính chưa mang lại hiệu quả khi giá trị thị trường sụt giảm hoặc hoạt động của một số công ty liên doanh liên kết mà Công ty chưa có quyền kiểm soát có kết quả kinh doanh thấp hơn kế hoạch.



## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### a) Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018	Chênh lệch giá trị	Chênh lệch %
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.034.943</b>	<b>1.106.310</b>	<b>(71.367)</b>	<b>-6%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	247.250	207.480	39.770	19%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	299.249	456.166	(156.918)	-34%

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	456.497	396.061	60.436	15%
IV. Hàng tồn kho	21.575	30.882	(9.306)	-30%
V. Tài sản ngắn hạn khác	10.372	15.722	(5.350)	-34%
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.240.513</b>	<b>1.240.911</b>	<b>(398)</b>	<b>0%</b>
I- Các khoản phải thu dài hạn	2.083	685	1.398	204%
II. Tài sản cố định	678.938	652.393	26.545	4%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	53.407	63.309	(9.902)	-16%
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	410.346	421.829	(11.482)	-3%
VI. Tài sản dài hạn khác	95.739	102.696	(6.957)	-7%
VII - Lợi thế thương mại	64.689	74.940	(10.251)	-14%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.275.457</b>	<b>2.347.222</b>	<b>(71.765)</b>	<b>-3%</b>

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán)

b) Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018	Chênh lệch giá trị	Chênh lệch %
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>574.618</b>	<b>724.029</b>	<b>(149.411)</b>	<b>-21%</b>
I. Nợ ngắn hạn	458.530	574.471	(115.940)	-20%
II. Nợ dài hạn	116.088	149.559	(33.471)	-22%
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.700.838</b>	<b>1.623.193</b>	<b>77.646</b>	<b>5%</b>
I. Vốn chủ sở hữu	1.700.838	1.623.193	77.646	5%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.275.457</b>	<b>2.347.222</b>	<b>(71.765)</b>	<b>-3%</b>

Tại ngày 31/12/2019, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty giảm nhẹ 3% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã thực hiện thanh toán toàn bộ các trái phiếu trong năm 2019.

Khả năng thanh toán của Tập đoàn duy trì ở mức độ an toàn ở mức trên 2,2 lần. Tập đoàn cũng giảm đòn bẩy tài chính khi hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 0.31 lần cuối năm 2018 xuống 0.25 lần vào cuối năm 2019.

### 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ:

Công ty từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý doanh nghiệp

Từng bước xây dựng hệ thống báo cáo quản trị để đánh giá hiệu quả hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự. Chuyển đổi mô hình quản trị gồm Ban kiểm soát sang mô hình quản trị gồm Tiểu ban kiểm toán.

Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính – kế toán để tăng hiệu quả đồng vốn, giảm chi phí và tránh chiếm dụng vốn trong khâu bán hàng

Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, thời gian làm việc... của các phòng ban và của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn.

### 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2020

Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu tác động lớn từ đại dịch Covid-19. Theo báo

cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), có khoảng 15% doanh nghiệp bị giảm 50% doanh thu



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

so với năm 2019 và hơn 50% doanh nghiệp giảm số lượng dịch vụ logistics trong nước và quốc tế từ 10% - 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, nhiều nhà máy phải tạm ngưng hoạt động, một số doanh nghiệp thiếu hụt nguồn nguyên liệu để sản xuất và khó tìm đầu ra cho sản phẩm tại các khu vực châu Á và một số khu vực khác. Điều này làm giảm sản lượng hàng hóa lưu thông, ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành logistics. Do vậy, năm 2020, Công ty đã và đang lên kế hoạch ứng phó với tình hình dịch bệnh, nhằm giảm thiểu tối đa các tác động xấu của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những kế hoạch trong năm 2020, cụ thể:

Tăng cường sử dụng dịch vụ, sản phẩm giữa các công ty trong Công ty nhằm từng bước định hình chuỗi cung ứng dịch vụ hoàn chỉnh và tối đa hóa lợi nhuận.

Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty.

Xây dựng tổ chức và hoạt động bền vững với cơ cấu tổ chức phù hợp, đội ngũ nhân sự kế thừa, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường.

Tăng cường công tác giám sát điều hành và quản trị trong hoạt động kinh doanh.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm tiết giảm các chi phí không cần thiết.

Tiếp tục xem xét đầu tư vào hệ thống hạ tầng, phương tiện trang thiết bị, công nghệ thông tin

## 5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: *Không có*

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp

nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI:

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường  
Cải tiến chất lượng, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chiến dịch phát động tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty.

### TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng.

Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty đồng thời thu hút nhân tài.



# **PHẦN 4**

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### a. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Theo kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, doanh thu hợp nhất của Công ty là 2.028,7 tỷ đồng, đạt 115,16% so với năm 2018. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 199,7 tỷ đồng, đạt 110,2% so với năm 2018.

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đạt được so với kế hoạch được giao như sau:

- Doanh thu hợp nhất đạt 1.835,5 tỷ đồng, đạt 90% so với kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 152,5 tỷ đồng, đạt 76% so với kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 122,9 tỷ đồng, đạt 80% so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong ngành, hoạt động vận tải siêu trường siêu trọng chịu ảnh hưởng do nguồn vốn đầu tư công năm 2019 giải ngân chưa đạt kế hoạch, làm chậm tiến độ các dự án Công ty đang triển khai, hoạt động đầu tư tài chính chưa mang lại hiệu quả cao khi giá trị thị trường sụt giảm, hoạt động của một số công ty liên doanh liên kết có kết quả kinh doanh thấp hơn kế hoạch.

### b. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động, bổ nhiệm các vị trí quản lý của Công ty, các phòng ban:

## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trải qua một năm kinh doanh nhiều thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua việc Hội đồng Quản trị chặt vấn

Công ty luôn chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

### c. Về công tác đoàn thể và xã hội:

Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn trong Công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...

### d. Về quan hệ Cổ đông và Nhà đầu tư:

Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật.

Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

### e. Về các hoạt động tiêu biểu khác:

Trong năm 2019, Công ty đã và đang thực hiện tái cơ cấu mảng kinh doanh logistics, từng bước chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics để phụ trách các hoạt động logistics.

Công ty tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình quản trị, mô hình kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2019 Công ty được bầu chọn và trao giải Top 10 công ty uy tín ngành vận tải và logistics – nhóm ngành: Giao nhận, kho bãi và chuyển phát.

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua việc chỉ đạo và triển khai hiệu quả các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành tuân thủ đúng quy định về quyền và chức năng, nhiệm vụ của

### 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp chính như sau:

- Thực hiện đúng vai trò Holding, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản lý dự án, IT,... tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty vượt qua các khó khăn, giữ ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.

mình, tuân thủ theo đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Công tác quản trị điều hành theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty. Hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của SOTRANS tại các công ty thành viên.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.







# PHẦN 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 04 thành viên. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 đã thông qua việc tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 01 thành viên, nâng số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ 04 thành viên lên 05 thành viên.

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn (từ nhiệm từ 12/4/2019)	Chủ tịch	0	0%	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Thiết Bị Điện Việt Nam (GELEX) - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam (Cadivi) - Thành viên HĐQT Công ty CP Hạ Tầng Fecon - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera - CTCP
2	Ông Lê Bá Thọ (từ nhiệm từ 12/4/2019)	Phó Chủ tịch	0	0%	- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1
3	Ông Đặng Vũ Thành (từ nhiệm từ 12/4/2019)	Thành viên	0	0%	- Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics - Chủ tịch Công ty TNHH Phát -triển Bất Động Sản SORECO
4	Ông Đỗ Hoàng Phương (từ nhiệm từ 12/4/2019)	Thành viên	0	0%	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh
5	Ông Trần Tuấn Anh (bổ nhiệm Chủ tịch từ 12/4/2019)	Chủ tịch	0	0%	- Chủ tịch Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN - Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam - Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1

6	Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	0	0%	- Giám đốc đầu tư Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN - Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex - Thành viên độc lập Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình
7	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	0	0%	- Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Thiết Bị Điện Việt Nam (GELEX) - Thành viên HĐQT Tổng Công ty Viglacera – CTCP - Thành viên góp vốn Công ty TNHH VLCC, Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ
8	Ông Trần Quang Tiến (bổ nhiệm từ 12/4/2019)	Thành viên	0	0%	- Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Gelex Logistics - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
9	Ông Đỗ Lê Hùng (bổ nhiệm từ 27/9/2019)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	- Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) - Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược Hậu Giang - Thành viên Viện Thành viên HĐQT (VIOD) - Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Đầu tư & Phát triển Bất động sản An Gia

#### b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý mới. Theo cơ cấu mới này, Công ty đã bỏ Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Thay vào đó, Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị vào tháng 11 năm 2019 gồm 03 thành viên:

- Ông Đỗ Lê Hùng - Trưởng Tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập
- Ông Đặng Doãn Kiên – Thành viên Tiểu ban, Thành viên HĐQT
- Ông Trần Quang Tiến – Thành viên Tiểu ban, Thành viên HĐQT

## c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị tổ chức họp 15 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ.

Các phiên họp của Hội đồng Quản trị đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

Hội đồng Quản trị đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc và nghe Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty.

Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp của HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia họp
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	6/15	40%	Từ nhiệm từ ngày 12/4/2019
2	Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	6/15	40%	Từ nhiệm từ ngày 12/4/2019
3	Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	6/15	40%	Từ nhiệm từ ngày 12/4/2019
4	Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	6/15	40%	Từ nhiệm từ ngày 12/4/2019
5	Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15/15	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 11/4/2019. Chủ tịch HĐQT từ ngày 12/4/2019
6	Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	15/15	100%	
7	Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	15/15	100%	
8	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	9/15	60%	Bổ nhiệm từ ngày 12/4/2019
9	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	2/15	13,3%	Bổ nhiệm từ ngày 12/4/2019



**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2019:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	005/2019/STG/NQ-HĐQT	09/01/2019	Nghị quyết thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2	010/2019/STG/NQ-HĐQT	09/01/2019	Quyết định ban hành Điều lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam
3	022/2019/STG/NQ-HĐQT	06/03/2019	Nghị quyết thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam
4	032-1,3,5,7/2019 /STG/NQ-HĐQT	28/03/2019	Nghị quyết thông qua việc định giá tài sản góp vốn là tài sản cố định vào Công ty con
5	036/2019/STG/ NQ-HĐQT	01/4/2019	Nghị quyết thông qua chương trình họp, toàn bộ nội dung các báo cáo, tờ trình, và các tài liệu khác phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
6	054/2019/STG/ NQ-HĐQT	03/4/2019	Nghị quyết thông qua điều chỉnh vốn góp vào Công ty con và điều chỉnh giảm Vốn điều lệ của Công ty con
7	057/2019/STG/ NQ-HĐQT	09/4/2019	Nghị quyết thông qua tài liệu cập nhật họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
8	066/2019/STG/ NQ-HĐQT	12/4/2019	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty
9	066-1/2019/STG/ NQ-HĐQT	12/4/2019	Nghị quyết về việc miễn nhiệm cán bộ
10	067/2019/STG/ NQ-HĐQT	12/4/2019	Nghị quyết về việc thay đổi Chủ tịch Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics
11	068/2019/STG/ NQ-HĐQT	12/4/2019	Nghị quyết về việc phân công công việc
12	074/2019/STG/ NQ-HĐQT	14/6/2019	Nghị quyết thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019
13	079/2019/STG/ QĐ-HĐQT	01/7/2019	Quyết định tái bổ nhiệm cán bộ
14	088/2019/STG/NQ-HĐQT	19/08/2019	Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
15	092/2019/STG/NQ-HĐQT	13/09/2019	Nghị quyết thông qua nội dung tài liệu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản

16	105/2019/STG/NQ-HĐQT	5/11/2019	Nghị quyết thông qua thành lập Tiểu ban Kiểm toán, bổ nhiệm cán bộ
17	106/2019/STG/NQ-HĐQT	5/11/2019	Quyết định bổ nhiệm cán bộ
18	107/2019/STG/QĐ-HĐQT	05/11/2019	Quyết định thành lập Tiểu Ban Kiểm toán
19	108/2019/STG/QĐ-HĐQT	05/11/2019	Quyết định quy chế hoạt động của Tiểu Ban Kiểm toán
20	109/2019/STG/NQ-HĐQT	05/11/2019	Nghị quyết thông qua việc thay đổi thời gian trả cổ tức năm 2018 bằng tiền của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam
21	112/2019/STG/QĐ-HĐQT	05/11/2019	Quyết định bổ nhiệm cán bộ
22	113/2019/STG/QĐ-HĐQT	13/11/2019	Đính chính một số nội dung tại Quyết định số 107/2019/NQ-HĐQT ngày 05/11/2019 về việc thành lập Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ

#### d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Ông Đỗ Lê Hùng được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27/9/2019 và bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban kiểm toán từ ngày 05/11/2019.

#### e. Đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

## 2. BAN KIỂM SOÁT:

#### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

#### Danh sách thành viên Ban kiểm soát trong năm 2019:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ngày không còn là Thành viên BKS
1	Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng BKS	0	0%	Từ nhiệm từ 12/4/2019
2	Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên BKS	0	0%	Từ nhiệm từ 12/4/2019
3	Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	0	0%	Từ nhiệm từ 12/4/2019

### Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Rà soát Điều lệ, các quy chế của HĐQT và Ban điều hành.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập

của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Ban Giám đốc điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

### Các cuộc họp chính của Ban kiểm soát:

Thông qua các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2018 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

### 3. TIỂU BAN KIỂM TOÁN:

Tiểu ban Kiểm toán (TBKT) trực thuộc HĐQT Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam (Sotrans Group) được thành lập vào tháng 11 năm 2019 gồm có 3 thành viên:

- Ông Đỗ Lê Hùng - Trưởng Tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập
- Ông Đặng Doãn Kiên - Thành viên Tiểu ban, Thành viên HĐQT
- Ông Trần Quang Tiến - Thành viên Tiểu ban, Thành viên HĐQT

Ngay từ khi thành lập, Tiểu ban Kiểm toán đã tích cực triển khai nhiều hoạt động thiết thực, giúp HĐQT thực hiện chức năng giám sát các vấn đề liên quan đến quản trị công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam.

Mặc dù mô hình Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT còn khá mới mẻ ở Sotrans Group nhưng với sự ủng hộ và quyết tâm của Ban lãnh đạo, ngay khi mới đi vào hoạt động, Tiểu ban Kiểm toán đã trình HĐQT phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm cũng như cơ chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán. Điều này đã tạo thuận lợi cho Tiểu ban Kiểm toán trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trong những tháng cuối năm 2019, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 2 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 3 thành viên. Ngoài ra, các thành viên của Tiểu ban đã tiến hành nhiều cuộc họp chuyên đề khác với trưởng các đơn vị, bộ phận thuộc Ban điều hành cũng như lãnh đạo các Công ty thành viên.

Kết quả giám sát của Tiểu ban kiểm toán như sau:

#### 3.1. Báo cáo tài chính:

Tiểu ban Kiểm toán đã xem xét BCTC năm 2019, đồng thời nhất trí với những đánh giá của Kiểm toán độc lập, theo đó:

- Báo cáo tài chính 2019 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với VAS và các quy định hiện hành, không phát hiện có sai sót trọng yếu có thể làm sai lệch kết quả báo cáo tài chính
- Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, kết quả kinh doanh và biến động của số liệu tài chính.
- Giao dịch với các bên liên quan được báo cáo và kiểm soát; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán.
- Tiểu ban kiểm toán ghi nhận các khuyến nghị liên quan tại thư quản lý của kiểm toán độc lập Ernst & Young và đề nghị Ban điều hành Công ty xem xét xây dựng chương trình hành động để thực hiện.
- Đề nghị HĐQT cho phép phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) theo quy định.

#### 3.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán toán độc lập và các đơn vị, bộ phận chức năng của Sotrans Group.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đặc điểm lớn nhất của Sotrans Group tại thời điểm hiện tại đó là Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh sau giai đoạn nhiều lần thay đổi cơ cấu sở hữu vốn của các cổ đông lớn. Nền tảng quản lý kiểm soát và quản trị công ty hiện đang ở mức cơ bản và đang trong quá trình hợp lý hóa, tối ưu hóa và dần được cải thiện.

Hiện tại, công ty chưa hình thành được một bộ máy chuyên môn về QLRR và KSNB, nhưng nhiệm vụ này cũng đang từng bước giao cho Trưởng Kiểm toán nội bộ phụ trách. Mục tiêu là trong năm 2020, công ty cũng sẽ xây dựng một khung quản lý rủi ro, bao gồm cả các quy trình về nhận dạng, đánh giá, và kiểm soát rủi ro trên toàn hệ thống.

Cùng với sự trưởng thành của Kiểm toán nội bộ, hệ thống KSNB và QLRR sẽ được đánh giá lại và đánh giá liên tục. Trong năm 2020, Tiểu ban Kiểm toán sẽ có kế hoạch giám sát cụ thể hơn đồng thời sẽ có những khuyến nghị cụ thể với Ban điều hành để cải thiện hệ thống KSNB và QLRR.

### 3.3. Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán nội bộ mới được thành lập từ giữa năm 2019. Đây không chỉ đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 05 của Chính phủ năm 2019, mà còn hình thành nên 1 chức năng rất quan trọng trong cơ cấu quản trị công ty, giúp Tiểu ban Kiểm toán và HĐQT đánh giá một cách khách quan, độc lập và chuyên nghiệp đối với hệ thống KSNB và QLRR.

Trong cơ cấu quản trị công ty, Kiểm toán nội bộ thực hiện báo cáo về mặt chức năng lên HĐQT (Tiểu ban Kiểm toán), và báo cáo về mặt hành chính lên Tổng Giám đốc. Cách tổ chức này vừa đảm bảo tính độc lập, chuyên nghiệp, đủ nguồn lực cho Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ nhưng đồng thời giúp Kiểm toán nội bộ có thể hỗ trợ một cách hiệu quả nhất cho Ban điều hành và Tổng giám đốc, không chỉ nâng cao tính tuân thủ mà còn hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, cải thiện quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Qua đánh giá thực tế, so với quy mô và đặc điểm hoạt động của Sotrans Group thì lực lượng KTNB còn cần phải cải thiện nhiều hơn cả về số lượng và chất lượng mới có thể đáp ứng được kỳ vọng của Tiểu ban Kiểm toán và HĐQT trong việc đánh giá sự tin cậy và tính hữu hiệu của hệ thống KSNB và QLRR ở cả Sotrans Holding và các công ty thành viên.

Tiểu ban Kiểm toán khuyến nghị HĐQT sớm phê duyệt Điều lệ Kiểm toán nội bộ để làm căn cứ cho các hoạt động KTNB, trong đó có việc củng cố bộ máy, chức năng nhiệm vụ, truyền thông tới các đơn vị liên quan... giúp KTNB hoạt động chuyên nghiệp và hiệu quả trên phạm vi toàn Tập đoàn.

### 3.4. Các vấn đề khác:

Tùy theo phân công của HĐQT, Tiểu ban Kiểm toán sẽ có kế hoạch cụ thể trong năm 2020 để thực hiện giám sát dịch vụ Kiểm toán độc lập, các vấn đề về tuân thủ pháp lý, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

## 4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TGD:

### a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tại thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty có 05 thành viên HĐQT.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ thù lao	Tỷ lệ lương	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
2	Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch HĐQT (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
3	Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
4	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%



5	Nguyễn Thị Oanh	Trưởng BKS (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
6	Trần Thị Thanh Bình	Thành viên BKS (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
7	Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS (từ nhiệm từ 12/4/2019)	100%		100%
8	Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT đến 11/4/2019; Chủ tịch HĐQT từ 12/4/2019	17.0%	83.0%	100%
9	Đặng Doãn Kiên	Thành viên HĐQT	100%		100%
10	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên HĐQT	100%		100%
11	Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 12/4/2019)	20.7%	79.3%	100%
12	Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 27/9/2019)	100%		100%

Tổng thù lao đã chi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2019 là **898.800.000** đồng.

**b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần	Bên có liên quan của Người nội bộ	35,622,364	41,74%	35,699,364	41,83%	Mua tăng số lượng cổ phần ngày 24/1/2019

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch
1	VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ, Nhận cổ tức, Bán hàng hóa, Mua dịch vụ, Thu nhập bán tài sản cố định
2	Công ty CP Thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ
3	Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Công ty liên quan	Trái phiếu đáo hạn
5	Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Xây dựng trung tâm logistics

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

		Bên có liên quan của Người nội bộ	
6	SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ
7	SOWATCO-ECO 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ
8	Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ
9	SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời
10	Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Phải trả khác

#### **d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.



# PHẦN 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số tham chiếu: 61113814-21164298/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1

A blue ink signature of Ngô Thị Thúy Hòa.

Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.034.943.169.674</b>	<b>1.106.310.464.908</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>247.250.017.595</b>	<b>207.479.844.102</b>
111	1. Tiền		198.350.017.595	162.329.844.102
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.900.000.000	45.150.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>299.248.607.517</b>	<b>456.166.468.313</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	130.875.929.384	130.876.561.391
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(30.250.802.698)	(13.797.519.588)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	198.623.480.831	339.087.426.510
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>456.497.115.578</b>	<b>396.060.728.447</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		346.765.147.428	335.814.817.724
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		36.816.978.396	18.874.584.096
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		119.853.727.907	82.828.474.767
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.938.738.153)	(41.457.148.140)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>21.575.478.290</b>	<b>30.881.752.896</b>
141	1. Hàng tồn kho		21.575.478.290	30.881.752.896
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.371.950.694</b>	<b>15.721.671.150</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	5.824.974.389	5.138.765.053
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	731.763.649	2.435.986.612
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.815.212.656	8.146.919.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.240.513.332.574</b>	<b>1.240.911.365.160</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.082.907.195</b>	<b>684.827.170</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	2.082.907.195	684.827.170
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>678.937.971.123</b>	<b>652.392.860.159</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	607.282.295.780	581.729.521.007
222	Nguyên giá		1.433.510.333.706	1.358.797.793.156
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(826.228.037.926)	(777.068.272.149)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	71.655.675.343	70.663.339.152
228	Nguyên giá		111.545.060.707	110.175.516.986
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(39.889.385.364)	(39.512.177.834)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>53.407.033.962</b>	<b>63.308.645.522</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	53.407.033.962	63.308.645.522
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>410.346.468.065</b>	<b>421.828.594.839</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	378.281.264.570	409.086.170.200
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	1.629.124.639	1.629.124.639
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.436.078.856	11.113.300.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>95.738.952.229</b>	<b>102.696.437.470</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	16.986.401.773	17.213.385.577
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	14.063.082.900	10.543.015.937
269	3. Lợi thế thương mại	4	64.689.467.556	74.940.035.956
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.275.456.502.248</b>	<b>2.347.221.830.068</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>574.618.038.630</b>	<b>724.029.286.942</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>458.530.207.552</b>	<b>574.470.592.030</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	188.157.477.186	148.206.554.530
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.326.563.213	3.845.998.357
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	16.270.904.691	17.421.281.248
314	4. Phải trả người lao động		31.849.502.004	29.612.268.084
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.144.849.865	12.122.561.422
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	38.283.409.823	36.330.664.298
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	145.369.037.810	161.361.732.850
320	8. Vay ngắn hạn	20	22.489.572.495	160.389.937.962
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	185.190.450
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.638.890.465	4.994.402.829
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>116.087.831.078</b>	<b>149.558.694.912</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	20.655.466.601	20.225.126.201
338	2. Vay dài hạn	20	80.311.130.264	113.586.434.642
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	10.683.272.558	10.693.761.236
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.437.961.655	5.053.372.833
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.700.838.463.618</b>	<b>1.623.192.543.126</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.700.838.463.618</b>	<b>1.623.192.543.126</b>
411	1. Vốn cổ phần	22.1	982.533.570.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	2.710.917.376	2.710.917.376
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	507.433.563.958	535.536.070.412
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		399.677.341.747	401.291.661.589
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		107.756.222.211	134.244.408.823
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	210.193.447.184	232.599.800.238
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.275.456.502.248</b>	<b>2.347.221.830.068</b>

Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.837.191.529.352	1.761.613.071.766
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(1.689.864.231)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.835.501.665.121	1.761.613.071.766
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 28	(1.452.774.500.340)	(1.425.130.332.149)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		382.727.164.781	336.482.739.617
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	17.443.951.871	46.589.480.219
22	7. Chi phí tài chính	26	(27.365.108.167)	(26.771.867.047)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.464.949.595)	(32.939.383.521)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		16.555.094.370	37.880.848.872
25	9. Chi phí bán hàng	27, 28	(117.834.856.030)	(103.646.585.073)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 28	(123.247.197.854)	(118.535.670.232)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		148.279.048.971	171.998.946.356
31	12. Thu nhập khác	29	5.579.543.491	12.820.014.020
32	13. Chi phí khác	29	(1.295.796.251)	(3.566.177.816)
40	14. Lợi nhuận khác		4.283.747.240	9.253.836.204
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		152.562.796.211	181.252.782.560
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(33.175.017.169)	(25.777.585.385)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	3.530.555.641	2.182.631.194
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.918.334.683	157.657.828.369
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		107.756.222.211	134.244.408.823
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	15.162.112.472	23.413.419.546
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.3	1.097	1.305
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.3	1.097	1.305

Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng

  
Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM SOTRANS  
www.sotrans.com.vn

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>152.562.796.211</b>	<b>181.252.782.560</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	4, 11, 12	83.387.945.816	86.340.629.334
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		21.319.461.945	(16.183.890.454)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		368.175.479	1.232.866.289
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.832.137.815)	(35.054.757.379)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	26	8.806.449.600	33.136.295.580
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>230.612.691.236</b>	<b>250.723.925.930</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(61.779.877.183)	(82.220.852.623)
10	Giảm hàng tồn kho		9.306.274.606	1.226.984.733
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		17.225.543.702	(31.172.420.476)
12	Tăng chi phí trả trước		(459.225.532)	(897.908.007)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		632.007	27.868.111.165
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.743.554.427)	(34.464.062.429)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(31.517.277.626)	(36.482.261.195)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.221.764.153)	(13.022.431.023)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>148.423.442.630</b>	<b>81.559.086.075</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(88.019.039.773)	(164.520.937.062)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		3.066.620.637	22.708.585.148
23	Tiền chi ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(217.946.259.687)	(125.722.202.315)
24	Tiền thu hồi từ ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		339.087.426.510	311.671.630.977
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.570.422.808	27.113.906.219
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>99.759.170.495</b>	<b>71.250.982.967</b>

BÁO CÁO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	107.197.099.902	269.677.502.876
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(278.786.806.746)	(436.647.282.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.4	(11.533.000)	(4.880.700)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	23	(36.996.178.729)	(43.328.944.019)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(208.597.418.573)</b>	<b>(210.303.603.843)</b>
<b>50</b>	<b>Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>39.585.194.552</b>	<b>(57.493.534.801)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>207.479.844.102</b>	<b>264.761.311.725</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		184.978.941	212.067.178
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>247.250.017.595</b>	<b>207.479.844.102</b>

  
Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

  
Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



  
Trần Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh và liên kết như sau:

### **Công ty**

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Công ty con**

#### **Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)**

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. SII có trụ sở đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex (“Vietranstimex”)**

Công ty sở hữu 84% vốn chủ sở hữu của Vietranstimex, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Vietranstimex là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Vietranstimex có trụ sở đăng ký tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### **Công ty con** (tiếp theo)

#### *Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics (“Sotrans Logistics”)*

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Sotrans Logistics, hiện là một công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0315428529 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 12 năm 2018. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Sotrans Logistics là kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa. Sotrans Logistics có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”)*

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Sotrans Hà Tĩnh, trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, hiện là một trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Sotrans Hà Tĩnh có trụ sở đăng ký tại Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)*

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tại số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”)*

Công ty nắm giữ 84,4% quyền biểu quyết gián tiếp tại Sowatco, một công ty cổ phần kiểm soát bởi SII được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103013615 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sowatco là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn. Sowatco có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)*

Công ty nắm giữ 86,15% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### **Công ty con** (tiếp theo)

#### *Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Cần Thơ Shipyard”)*

Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cần Thơ Shipyard, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sovatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cần Thơ Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Cần Thơ Shipyard có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)*

Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sovatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Công ty liên doanh và liên kết**

#### *Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”)*

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. The Pier có trụ sở đăng ký tại Phòng 1606, Lầu 16, Tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)*

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. SORECO có trụ sở đăng ký tại tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)*

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco - Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco - Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ. Gefco - Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần MHC (“MHC”)*

Công ty sở hữu 23% vốn chủ sở hữu của MHC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa, MHC có trụ sở đăng ký tại tầng 7, tòa nhà Hải An, Km2, đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### **Công ty liên doanh và liên kết** (tiếp theo)

#### *Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (“VICT”)*

Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT, một doanh nghiệp liên doanh mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư (“GPĐT”) số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container, VICT có trụ đăng ký tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (“SOWATCOSER”)*

Công ty nắm giữ 26,27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER, một công ty cổ phần mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### *Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (“SOWATCO-ECO 747”)*

Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.168 (31 tháng 12 năm 2018: 1.169).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm
Lợi thế quyền thuê đất	2 - 38 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

#### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được quyết định bởi Hội đồng quản trị của Nhóm Công ty sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.17 Thuế (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

### 3.19 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	Sowatco	Vietranstimex	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>77.569.081.610</u>	<u>24.936.602.386</u>	<u>102.505.683.996</u>
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số đầu năm	21.331.497.443	6.234.150.597	27.565.648.040
Phân bổ trong năm	<u>7.756.908.161</u>	<u>2.493.660.239</u>	<u>10.250.568.400</u>
Số cuối năm	<u>29.088.405.604</u>	<u>8.727.810.836</u>	<u>37.816.216.440</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>56.237.584.167</u>	<u>18.702.451.789</u>	<u>74.940.035.956</u>
Số cuối năm	<u>48.480.676.006</u>	<u>16.208.791.550</u>	<u>64.689.467.556</u>

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.255.912.703	9.347.781.842
Tiền gửi ngân hàng	192.094.104.892	152.982.062.260
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>48.900.000.000</u>	<u>45.150.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>247.250.017.595</u></b>	<b><u>207.479.844.102</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi từ 4,3%/năm đến 5%/năm.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### Chứng khoán kinh doanh

6.

6.1

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Ủy thác đầu tư (i)	80.192.056.826	(30.130.000.000)	50.062.056.826	80.192.688.833	(13.680.000.000)	66.512.688.833
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	(120.802.698)	7.069.860	127.872.558	(117.519.588)	10.352.970
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	(120.369.587)	6.382.860	126.752.447	(116.888.027)	9.864.420
Chứng khoán khác	1.120.111	(433.111)	687.000	1.120.111	(631.561)	488.550
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	-	556.000.000	556.000.000	-	556.000.000
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.875.929.384</b>	<b>(30.250.802.698)</b>	<b>100.625.126.686</b>	<b>130.876.561.391</b>	<b>(13.797.519.588)</b>	<b>117.079.041.803</b>

(i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản ủy thác đầu tư này bao gồm khoản đầu tư vào 1.710.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba với giá trị hợp lý là 7.011.000.000 VND; 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP – Vinachem với giá trị hợp lý là 43.050.000.000 VND; và tiền gửi với số tiền là 1.056.826 VND.

(ii) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	71.722.168.495	73.238.644.110
Ủy thác đầu tư – số thuần (ii)	126.901.312.336	265.848.782.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	101.829.394.536	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco & More	25.071.917.800	100.287.671.200
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	-	165.561.111.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>198.623.480.831</u></b>	<b><u>339.087.426.510</u></b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,5%/năm đến 6,7%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 20.3*).

(ii) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam.

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b><u>346.765.147.428</u></b>	<b><u>335.814.817.724</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>		
Công ty TNHH Cosco Logistics Kumning	24.559.294.305	17.692.593.498
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	27.451.026.309	22.912.196.439
Khách hàng khác	15.869.670.000	-
	278.885.156.814	295.210.027.787
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b><u>36.816.978.396</u></b>	<b><u>18.874.584.096</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	4.649.263.000	-
Công ty Cổ phần Unico Vina	3.791.184.540	-
Người bán khác	19.602.713.242	10.100.766.482

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>119.853.727.907</b>	<b>82.828.474.767</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>2.847.325.176</i>	<i>568.103.481</i>
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	<i>36.421.071.300</i>	<i>30.855.946.926</i>
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	<i>39.692.200.369</i>	<i>19.488.276.784</i>
<i>Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư và ký quỹ</i>	<i>12.044.010.809</i>	<i>3.156.748.457</i>
<i>Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý</i>	<i>6.132.292.514</i>	<i>15.512.912.680</i>
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>16.294.508.352</i>	<i>4.953.720.552</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>6.422.319.387</i>	<i>8.292.765.887</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(46.938.738.153)</u>	<u>(41.457.148.140)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>456.497.115.578</u></b>	<b><u>396.060.728.447</u></b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.457.148.140	43.529.939.210
Dự phòng trích lập trong năm	5.558.564.013	1.615.205.628
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(76.974.000)</u>	<u>(3.687.996.698)</u>
Số cuối năm	<u>46.938.738.153</u>	<u>41.457.148.140</u>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.962.432.192	10.059.390.568
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.729.036.030	13.380.738.361
Hàng hóa	2.033.619.095	4.041.837.169
Hàng mua đang đi đường	507.745.455	2.928.846.312
Công cụ, dụng cụ	<u>342.645.518</u>	<u>470.940.486</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>21.575.478.290</u></b>	<b><u>30.881.752.896</u></b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.824.974.389</b>	<b>5.138.765.053</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	3.497.734.846	2.762.199.100
<i>Khác</i>	2.327.239.543	2.376.565.953
<b>Dài hạn</b>	<b>16.986.401.773</b>	<b>17.213.385.577</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	5.731.351.333	8.183.625.736
<i>Phí bảo trì</i>	3.409.834.997	1.832.914.414
<i>Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp</i>	2.922.926.750	3.613.598.750
<i>Thuế đất</i>	2.463.515.647	2.777.275.551
<i>Khác</i>	2.458.773.046	805.971.126
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.811.376.162</u></b>	<b><u>22.352.150.630</u></b>

## 10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.056.457.195	477.377.170
Khác	26.450.000	207.450.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.082.907.195</u></b>	<b><u>684.827.170</u></b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	458.686.253.764	111.124.609.456	782.527.358.885	6.459.571.051	1.358.797.793.156
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.060.563.930	80.350.070.049	-	83.410.633.979
Mua trong năm	879.956.364	3.377.063.638	10.912.727.272	1.168.295.181	16.338.042.455
Thanh lý trong năm	(5.936.886.933)	(2.302.337.726)	(14.428.696.984)	(2.368.214.241)	(25.036.135.884)
Số cuối năm	453.629.323.195	115.259.899.298	859.361.459.222	5.259.651.991	1.433.510.333.706
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	36.874.421.107	43.365.084.185	412.963.198.634	1.833.425.649	495.036.129.575
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	166.134.607.413	55.757.656.233	550.878.948.416	4.297.060.087	777.068.272.149
Khấu hao trong năm	21.395.511.430	6.610.968.613	43.663.488.866	849.344.698	72.519.313.607
Thanh lý trong năm	(5.936.886.933)	(2.054.836.822)	(13.470.310.411)	(1.897.513.664)	(23.359.547.830)
Số cuối năm	181.593.231.910	60.313.788.024	581.072.126.871	3.248.891.121	826.228.037.926
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	292.551.646.351	55.366.953.223	231.648.410.469	2.162.510.964	581.729.521.007
Số cuối năm	272.036.091.285	54.946.111.274	278.289.332.351	2.010.760.870	607.282.295.780
<b>Trong đó:</b>					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 20.2)	-	-	66.118.389.739	-	66.118.389.739



## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Trang web	Tổng cộng
					VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	67.566.280.290	4.356.540.823	38.090.832.844	161.863.029	110.175.516.986
Mua trong năm	-	1.970.400.000	-	-	1.970.400.000
Thanh lý trong năm	-	(438.993.250)	-	(161.863.029)	(600.856.279)
Số cuối năm	67.566.280.290	5.887.947.573	38.090.832.844	-	111.545.060.707
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	1.016.430.750	-	-	1.016.430.750
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	-	3.042.557.037	36.307.757.768	161.863.029	39.512.177.834
Hao mòn trong năm	-	565.620.424	52.443.385	-	618.063.809
Thanh lý trong năm	-	(78.993.250)	-	(161.863.029)	(240.856.279)
Số cuối năm	-	3.529.184.211	36.360.201.153	-	39.889.385.364
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	67.566.280.290	1.313.983.786	1.783.075.076	-	70.663.339.152
Số cuối năm	67.566.280.290	2.358.763.362	1.730.631.691	-	71.655.675.343
<b>Trong đó:</b>					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)	7.552.136.640	-	-	-	7.552.136.640

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nâng cấp Cảng Long Bình	34.849.252.165	-
Máy móc và phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	8.218.795.987	5.478.105.441
Tàu chở hàng	148.999.999	50.614.366.560
Khác	10.189.985.811	7.216.173.521
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.407.033.962</u></b>	<b><u>63.308.645.522</u></b>

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### 14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND
VICT	37,00	246.579.075.687	37,00	280.189.942.466
MHC	23,00	108.588.987.303	23,00	105.773.276.826
The Pier	50,00	9.971.430.493	50,00	9.972.564.832
SORECO	50,00	9.926.994.341	50,00	9.932.345.432
SOWATCOSER	26,27	3.214.776.746	26,27	3.218.040.644
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>378.281.264.570</u></b>		<b><u>409.086.170.200</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	<i>Gefco – Soitrans Logistics</i>	<i>MHC</i>	<i>SORECO</i>	<i>The Pier</i>	<i>SOWATCO -ECO 747</i>	<i>SOWATCOSEER</i>	<i>VICT</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Giá trị đầu tư</b>								<b>VND</b>
Số đầu năm và số cuối năm	4.162.060.000	94.533.700.078	10.000.000.000	10.000.000.000	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876	281.027.163.354
<b>Phần lũy kế (lỗ) lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết</b>								
Số đầu năm	(4.162.060.000)	11.239.576.748	(67.654.568)	(27.435.168)	(3.561.349.400)	178.800.644	124.459.128.590	128.059.006.846
Phần phối (lỗ) lợi nhuận trong năm	-	2.815.710.477	(5.351.091)	(1.134.338)	-	(3.263.899)	13.749.133.221	16.555.094.370
Cổ tức nhận được trong năm	-	-	-	-	-	-	(47.360.000.000)	(47.360.000.000)
Số cuối năm	(4.162.060.000)	14.055.287.225	(73.005.659)	(28.569.506)	(3.561.349.400)	175.536.745	90.848.261.811	97.254.101.216
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số đầu năm	-	105.773.276.826	9.932.345.432	9.972.564.832	-	3.218.040.644	280.189.942.466	409.086.170.200
Số cuối năm	-	108.588.987.303	9.926.994.341	9.971.430.494	-	3.214.776.745	246.579.075.687	378.281.264.570

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	50	816.000.000	50
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,5	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	-	373.124.639	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.629.124.639</b>		<b>1.629.124.639</b>	

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai	24.666.981.820	11.809.244.478
Công ty TNHH Một thành viên Hạnh Minh Quang	9.057.672.100	6.797.874.999
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Minh Tài	7.882.395.472	7.146.960.842
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	588.295.250	2.250.736.948
Khác	145.962.132.544	120.201.737.263
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.157.477.186</b>	<b>148.206.554.530</b>

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.207.248.865	146.775.778.759	(140.715.277.643)	8.267.749.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.438.844.788	27.649.745.544	(31.517.277.626)	6.571.312.706
Thuế thu nhập cá nhân	3.061.970.375	9.735.778.301	(11.365.906.672)	1.431.842.004
Thuế khác	1.713.217.220	1.702.389.396	(3.415.606.616)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.421.281.248</b>	<b>185.863.692.000</b>	<b>(187.014.068.557)</b>	<b>16.270.904.691</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.435.986.612	731.763.649	(2.435.986.612)	731.763.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.146.919.485	-	(5.525.271.625)	2.621.647.860
Khác	-	5.590.453.091	(4.396.888.295)	1.193.564.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.582.906.097</b>	<b>6.322.216.740</b>	<b>(12.358.146.532)</b>	<b>4.546.976.305</b>

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí xây dựng	4.724.915.750	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.000.000	7.098.292.381	
Thường	-	1.900.000.000	
Chi phí lãi vay	-	1.278.604.832	
Khác	915.934.115	1.845.664.209	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.144.849.865</b>	<b>12.122.561.422</b>	

## 18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Thu nhập từ hỗ trợ di dời (*)	36.050.598.364	36.050.598.364	
Khác	2.232.811.459	280.065.934	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.283.409.823</b>	<b>36.330.664.298</b>	

(\*) Đây là khoản thu nhập từ hỗ trợ di dời chưa thực hiện theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 1B Hoàng Diệu và 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 19).



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>145.369.037.810</b>	<b>161.361.732.850</b>
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả cho thuyền viên	15.168.354.687	25.960.697.748
Thu hộ	11.751.324.469	14.887.223.153
Ký cược, ký quỹ	5.006.870.637	9.887.395.949
Khác	33.502.488.017	30.686.416.000
<b>Dài hạn</b>	<b>20.655.466.601</b>	<b>20.225.126.201</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	19.973.700.000	19.358.000.000
Khác	681.766.601	867.126.201
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>166.024.504.411</b>	<b>181.586.859.051</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	<i>40.822.532.500</i>	<i>40.816.000.000</i>
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và</i> <i>Tài trợ Địa ốc R.C</i>	<i>39.940.000.000</i>	<i>39.940.000.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>85.261.971.911</i>	<i>100.830.859.051</i>

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier.

## 20. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>22.489.572.495</b>	<b>160.389.937.962</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh 20.1)	15.358.357.318	38.721.696.069
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20.2)	7.131.215.177	121.668.241.893
<b>Vay dài hạn</b>	<b>80.311.130.264</b>	<b>113.586.434.642</b>
Trái phiếu thường trong nước	-	49.823.500.002
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh 20.2)	80.311.130.264	63.762.934.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.800.702.759</b>	<b>273.976.372.604</b>

## 20. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	VND Tổng cộng
Số đầu năm	160.389.937.962	113.586.434.642	273.976.372.604
Tiền thu từ đi vay	83.043.099.902	24.154.000.000	107.197.099.902
Tiền lãi gốc vốn hóa	-	115.385.028	115.385.028
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	7.131.215.177	(7.131.215.177)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(228.239.680.553)	(50.547.126.193)	(278.786.806.746)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	165.000.007	176.499.998	341.500.005
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(42.848.034)	(42.848.034)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>22.489.572.495</u></b>	<b><u>80.311.130.264</u></b>	<b><u>102.800.702.759</u></b>

### 20.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	11.589.447.540	Ngày 25 tháng 3 năm 2020	7%	Không đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	3.768.909.778	Ngày 28 tháng 2 năm 2020	7%	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.358.357.318</u></b>			

### 20.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty.

## 20. VAY (tiếp theo)

### 20.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II</i>					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường (“Khoản vay OCR”) (i)	49.075.137.500	2.112.576	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	1,5	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 10.988.389.733 VND (Thuyết minh 11) và tiền gửi có kỳ hạn giá trị 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt (“Khoản vay ADF”) (ii)	6.138.151.600	264.234	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,0	
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	32.229.056.341	-	Ngày 25 tháng 6 năm 2025	6,5	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.442.345.441</b>	<b>2.376.810</b>			
<i>Trong đó</i>					
Vay dài hạn	80.311.130.264				
Vay dài hạn đến hạn trả	7.131.215.177				

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính (“BTC”) và Nhóm Công ty (“BTC”) và Nhóm Công ty và Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án cũng có và tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

## 21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	2.710.917.376	408.866.440.266	1.263.923.112.742
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	134.244.408.823	134.244.408.823
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.573.064.936)	(6.573.064.936)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.001.713.741)	(1.001.713.741)
Số cuối năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	2.710.917.376	535.536.070.412	1.390.592.742.888
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	2.710.917.376	535.536.070.412	1.390.592.742.888
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	107.756.222.211	107.756.222.211
Phát hành cổ phiếu (*)	128.154.780.000	-	-	(128.154.780.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.060.872.278)	(6.060.872.278)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.805.379.512)	(1.805.379.512)
Khác	-	-	-	162.303.125	162.303.125
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.710.917.376	507.433.563.958	1.490.645.016.434

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 037/2018/SOTRANS/NQ-DHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 058/2018/SOTRANS/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2018, Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017. Theo đó, vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 12.815.478 cổ phiếu được phát hành thêm. Vào ngày 14 tháng 1 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 366/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 22.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	85.437.879
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	85.437.879

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2018: 10.000 VND).

### 22.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	107.756.222.211	134.244.408.823
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(6.060.872.278)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>107.756.222.211</b>	<b>128.183.536.545</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.253.357	98.253.357
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	1.097	1.305
- Lãi suy giảm	1.097	1.305

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 4 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 22.4 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã trả trong năm	11.533.000	4.880.700
Cổ tức bằng cổ phiếu công bố trong năm	-	128.154.780.000



## 23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	232.599.800.238	253.431.207.690
Lợi nhuận trong năm	15.162.112.472	23.413.419.546
Cổ tức đã trả	(36.996.178.729)	(43.328.944.019)
Các khoản khác	(572.286.797)	(915.882.979)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>210.193.447.184</u></b>	<b><u>232.599.800.238</u></b>

## 24. DOANH THU

### 24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b><u>1.837.191.529.352</u></b>	<b><u>1.761.613.071.766</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.644.161.419.811	1.573.400.021.581
Doanh thu bán hàng hóa	193.030.109.541	188.213.050.185
<i>Giảm trừ:</i>		
Giảm trừ doanh thu	(1.689.864.231)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.835.501.665.121</u></b>	<b><u>1.761.613.071.766</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	77.098.273.931	64.741.809.582
Doanh thu đối với khách hàng khác	1.758.403.391.190	1.696.871.262.184

### 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư chứng khoán	8.471.999.736	30.762.095.709
Lãi tiền gửi	7.638.431.072	11.087.247.341
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	757.473.859	1.335.352.743
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	370.239.584	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.992.000	2.812.555.705
Khác	105.815.620	592.228.721
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.443.951.871</u></b>	<b><u>46.589.480.219</u></b>

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.275.120.995.270	1.274.449.145.288
Giá vốn của hàng hóa đã bán	177.653.505.070	150.681.186.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.452.774.500.340</u></b>	<b><u>1.425.130.332.149</u></b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	16.453.283.110	(9.518.697.970)
Chi phí lãi vay	8.464.949.595	31.792.033.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	862.168.425	1.683.293.284
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	341.500.005	1.344.262.157
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	1.158.216.221
Khác	1.243.207.032	312.759.932
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.365.108.167</b>	<b>26.771.867.047</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>117.834.856.030</b>	<b>103.646.585.073</b>
Chi phí nhân viên	57.102.861.804	49.167.079.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.677.272.613	27.583.492.582
Chi phí bán hàng khác	31.054.721.613	26.896.013.322
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>123.247.197.854</b>	<b>118.535.670.232</b>
Chi phí nhân viên	75.105.844.022	71.648.850.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.181.663.465	16.229.478.568
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4)	10.250.568.400	10.250.568.400
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.558.564.013	858.730.187
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.150.557.954	19.548.042.373

## 28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.110.568.992.035	1.097.108.682.109
Chi phí nhân viên	211.051.551.997	205.939.728.440
Giá vốn hàng hóa đã bán	233.198.875.590	208.232.557.884
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	73.137.377.416	76.090.060.934
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4)	10.250.568.400	10.250.568.400
Chi phí khác	55.649.188.786	49.690.989.687
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.693.856.554.224</b>	<b>1.647.312.587.454</b>

## 29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.579.543.491</b>	<b>12.820.014.020</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.066.620.637	5.326.456.855
Tiền phạt thu được	965.795.002	47.775.612
Nhận tiền hỗ trợ di dời	-	4.298.200.000
Khác	1.547.127.852	3.147.581.553
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.295.796.251)</b>	<b>(3.566.177.816)</b>
Chi phí nộp phạt	(168.863.199)	(3.214.549.195)
Chi phí khác	(1.126.933.052)	(351.628.621)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>4.283.747.240</b>	<b>9.253.836.204</b>

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30.1 Chi phí TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.984.738.197	33.731.073.570
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) từ các năm trước	190.278.972	(7.953.488.185)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.530.555.641)	(2.182.631.194)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.644.461.528</b>	<b>23.594.954.191</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.1 Chi phí TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>152.562.796.211</b>	<b>181.252.782.560</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	30.512.559.242	36.250.556.512
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	2.050.113.680	2.050.113.680
Chi phí không được trừ	962.431.581	3.547.194.850
Điều chỉnh khác	99.100.191	2.545.164.252
Phần lãi từ công ty liên kết	(3.311.018.874)	(7.576.169.775)
Thuế TNDN được miễn	(839.005.464)	(3.200.773.414)
Cổ tức nhận được	(19.997.800)	(973.865.067)
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(1.093.778.664)
Chi phí thuế TNDN năm nay	29.454.182.556	31.548.442.374
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong các năm trước	190.278.972	(7.953.488.183)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>29.644.461.528</b>	<b>23.594.954.191</b>

### 30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.639.100.939	7.639.100.939	-	1.254.041
Chi phí phải trả	338.723.620	325.939.575	12.784.045	2.345.075.888
Dự phòng trợ cấp thôi việc	767.592.331	890.674.567	(123.082.236)	(67.655.753)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(712.269.880)	(712.269.880)	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.026.000.000	2.736.000.000	3.290.000.000	(1.093.778.664)
Lãi trích trước từ tài khoản ủy thác	(62.700.066)	(329.863.200)	267.163.134	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.653)	(71.041.653)	-	-
Khấu hao	137.677.609	64.475.589	73.202.020	64.475.589
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản	(10.683.272.558)	(10.693.761.236)	10.488.678	933.260.093
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.379.810.342</u></b>	<b><u>(150.745.299)</u></b>	<b><u>3.530.555.641</u></b>	<b><u>2.182.631.194</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>14.063.082.900</i>	<i>10.543.015.937</i>		
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>(10.683.272.558)</i>	<i>(10.693.761.236)</i>		

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức Bán hàng hóa Mua dịch vụ Thu nhập bán tài sản cố định	44.332.444.520 47.360.000.000 3.064.957.430 1.441.216.076 -	60.454.180.195 54.422.945.164 2.328.319.590 999.365.971 48.181.818	
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	26.395.909.091	-	
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	3.122.675.154	1.803.100.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Công ty liên quan	Trái phiếu đáo hạn	15.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Xây dựng trung tâm Logistic	12.180.467.679	-	
SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	182.287.736	156.209.797	



31. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>					
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đồng Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.090.000.000	121.000.000	
SOWATCO-ECO 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325	
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.215.206.236	10.128.761.523	
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	3.285.282.669	477.400.000	
SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	504.887.075	471.321.765	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	30.191.885	
			<b>24.559.294.305</b>	<b>17.692.593.498</b>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>					
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	2.393.365.176	568.103.481	
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	453.960.000	-	
			<b>2.847.325.176</b>	<b>568.103.481</b>	
<b><i>Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	588.295.250	2.229.934.793	
VICT	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	20.802.155	
			<b>588.295.250</b>	<b>2.250.736.948</b>	

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000	
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đồng lớn	Mua dịch vụ	6.532.500	-	
			<b>40.822.532.500</b>	<b>40.816.000.000</b>	

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	<u>13.776.736.941</u>	<u>10.312.355.133</u>

### 32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### ***Các cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	86.015.670.505	115.446.026.369
Từ 1 đến 5 năm	118.782.223.638	250.440.142.716
Trên 5 năm	<u>23.241.221.196</u>	<u>12.574.062.613</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>228.039.115.339</u></b>	<b><u>378.460.231.698</u></b>

#### ***Kiện tụng***

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị cho việc kiện tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn Mục Kế toán Việt Nam số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

### 33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	723.385	938.858
- Đồng Euro (EUR)	4.562	8.420
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	-	2.896.111.460

### 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

34.

## THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đồng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
<b>Doanh thu bộ phận</b>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	1.710.596.844.831	102.143.047.250	2.633.862.814	9.343.868.195	10.784.042.031	1.835.501.665.121
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	101.410.894.287	90.887.062.291	-	-	-	192.297.956.578
	<b>1.812.007.739.118</b>	<b>193.030.109.541</b>	<b>2.633.862.814</b>	<b>9.343.868.195</b>	<b>10.784.042.031</b>	<b>2.027.799.621.699</b>
<b>Đối chiếu:</b>						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(192.297.956.578)
Doanh thu trong năm						1.835.501.665.121
<b>Lợi nhuận (lỗ) bộ phận</b>	<b>120.451.858.680</b>	<b>16.268.472.656</b>	<b>(2.100.942.215)</b>	<b>3.901.522.324</b>	<b>3.124.199.452</b>	<b>141.645.110.897</b>
<b>Đối chiếu:</b>						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						16.555.094.370
Cổ tức, lợi nhuận được chia						99.992.000
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư						370.239.584
Thu nhập từ ủy thác đầu tư						8.471.999.736
Lãi tiền gửi						7.638.431.072
Chi phí lãi vay						8.464.949.595
Dự phòng giảm giá đầu tư						16.453.283.110
Doanh thu không phân bổ						6.442.832.970
Chi phí không phân bổ						(53.579.137.123)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						152.562.796.211
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Khấu hao và hao mòn	72.597.724.265	-	295.932.863	243.720.288	-	73.137.377.416
Dự phòng phải thu khó đòi	5.274.960.613	-	-	-	283.603.400	5.558.564.013

### 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	VND Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>1.064.452.484.073</b>	<b>23.138.192.795</b>	<b>2.835.858.812</b>	<b>3.954.142.499</b>	<b>6.132.292.514</b>	<b>1.100.512.970.693</b>
<u>Đối chiếu:</u>						
Phải thu bộ phận						(42.878.848.696)
Tài sản không phân bổ						1.217.822.380.251
Tổng tài sản						<b>2.275.456.502.248</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>361.313.812.387</b>	<b>1.141.350.536</b>	<b>-</b>	<b>1.187.835.167</b>	<b>18.725.700.000</b>	<b>382.368.698.090</b>
<u>Đối chiếu:</u>						
Phải trả bộ phận						(57.366.086.662)
Nợ phải trả không phân bổ						249.615.427.202
Tổng nợ phải trả						<b>574.618.038.630</b>

34.

## THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đồng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>						
<b>Doanh thu bộ phận</b>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	1.576.740.601.918	162.668.097.711	4.724.407.492	5.151.299.862	12.328.664.783	1.761.613.071.766
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	91.230.584.765	18.008.862.972	-	-	-	109.239.447.737
	<b>1.667.971.186.683</b>	<b>180.676.960.683</b>	<b>4.724.407.492</b>	<b>5.151.299.862</b>	<b>12.328.664.783</b>	<b>1.870.852.519.503</b>
<b>Đối chiếu:</b>						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(109.239.447.737)
Doanh thu trong năm						1.761.613.071.766
<b>Lợi nhuận (lỗ) bộ phận</b>	<b>96.145.411.346</b>	<b>15.900.036.675</b>	<b>(1.448.845.843)</b>	<b>1.285.367.900</b>	<b>2.418.514.234</b>	<b>114.300.484.312</b>
<b>Đối chiếu:</b>						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						37.880.848.872
Cổ tức, lợi nhuận được chia						2.812.555.705
Thu nhập từ ủy thác đầu tư						30.762.095.709
Lãi tiền gửi						11.087.247.341
Chi phí lãi vay						31.792.033.423
Dự phòng giảm giá đầu tư						(9.518.697.970)
Doanh thu không phân bổ						13.352.977.959
Chi phí không phân bổ						(51.216.762.791)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						181.252.782.560
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Khấu hao và hao mòn	74.527.440.219	-	1.318.900.427	243.720.288	-	76.090.060.934
Dự phòng phải thu khó đòi	1.615.205.628	-	-	-	-	1.615.205.628



**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đồng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>						
Tài sản bộ phận	940.735.586.837	21.299.376.237	4.019.021.160	5.094.226.487	15.512.912.680	986.661.123.401
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải thu bộ phận						(12.788.950.373)
Tài sản không phân bổ						1.373.349.657.040
Tổng tài sản						<b>2.347.221.830.068</b>
Nợ phải trả bộ phận	444.243.955.832	9.772.393.804	-	3.601.118.135	66.503.663.346	524.121.131.117
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải trả bộ phận						(38.881.671.413)
Nợ phải trả không phân bổ						238.789.827.238
Tổng nợ phải trả						<b>724.029.286.942</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2020



**SOTRANS**

*We make it simple!*



**230,000 m<sup>2</sup>**

Kho bãi trên toàn quốc  
Nationwide warehouse



**CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3826 6593

Email: [info@sotrans.com.vn](mailto:info@sotrans.com.vn) - Website: [www.sotrans.com.vn](http://www.sotrans.com.vn)